TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non hạng III đợt 7-năm 2018

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1932/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	2140	Lê Thị	Bích	15/10/1973		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
2	2141	Lê Thị	Bình	07/10/1983		Trường MN Hoằng Khê	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.0	*Đạt*
3	2142	Vũ Thị Thanh	Bình	26/12/1980		Trường MN Hoằng Trung	Hoằng Hóa	6.0	6.0	7.5	*Đạt*
4	2143	Vũ Thị	Chiều	10/08/1982		Trường MN Hoằng Yến	Hoằng Hóa	5.5	6.5	7.0	*Đạt*
5	2144	Lê Thị	Cúc	15/10/1971		Trường MN Hoằng Phú	Hoằng Hóa	6.0	5.5	8.5	*Đạt*
6	2145	Nguyễn Thị	Đức	03/09/1971		Trường MN Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.0	*Đạt*
7	2146	Lê Thị	Dung	14/04/1984		Trường MN Hoằng Thắng	Hoằng Hóa	6.0	7.5	8.0	*Đạt*
8	2147	Nguyễn Thị	Dung	14/04/1984		Trường MN Hoằng Xuyên	Hoằng Hóa	6.0	7.0	7.5	*Đạt*
9	2148	Đỗ Thị	Dung	30/07/1986		Trường MN Hoằng Tiến	Hoằng Hóa	7.5	6.5	8.0	*Đạt*
10	2149	Lê Thị	Dung	27/10/1985		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	6.5	6.0	8.0	*Đạt*
11	2150	Lê Thị	Dương	23/10/1982		Trường MN Hoằng Thắng	Hoằng Hóa	6.5	6.5	8.5	*Đạt*
12	2151	Nguyễn Thị	Hà	10/11/1983		Trường MN Hoằng Giang	Hoằng Hóa	5.5	7.0	8.5	*Đạt*
13	2152	Tào Thị	Hà	17/11/1983		Trường MN Hoằng Hợp	Hoằng Hóa	5.0	6.5	8.0	*Đạt*
14	2153	Phạm Thị	Hà	15/07/1984		Trường MN Hoằng Hợp	Hoằng Hóa	6.5	7.0	7.0	*Đạt*
15	2154	Lê Thị	Hải	12/05/1982		Trường MN Hoằng Giang	Hoằng Hóa	7.0	6.5	8.0	*Đạt*
16	2155	Nguyễn Thị	Hằng	11/10/1971		Trường MN Hoằng Lộc	Hoằng Hóa	6.0	6.0	7.5	*Đạt*
17	2156	Lê Thị H	Hằng	05/01/1972		Trường MN Hoằng Lộc	Hoằng Hóa	5.0	6.0	7.5	*Đạt*
18	2157	Hoàng Thị	Hằng	15/03/1978		Trường MN Hoằng Thắng	Hoằng Hóa	6.5	7.0	7.5	*Đạt*
19	2158	Lê Thị	Hằng	22/01/1984		Trường MN Hoằng Vinh	Hoằng Hóa	7.5	6.5	8.0	*Đạt*
20	2159	Doãn Thị H	Hạnh	02/02/1969		Trường MN Hoằng Xuyên	Hoằng Hóa	8.0	7.0	8.5	*Đạt*
21	2160	Lê Thị	Hạnh	24/04/1983		Trường MN Hoằng Yến	Hoằng Hóa	5.5	6.5	7.5	*Đạt*
22	2161	Đỗ Thị	Hiền	06/01/1979		Trường MN Hoằng Kim	Hoằng Hóa	6.0	6.5	7.5	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
23	2162	Lê Thị	Hiền	25/10/1978		Trường MN Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.5	*Đạt*
24	2163	Lê Thị	Hiền	20/10/1986		Trường MN Hoằng Tiến	Hoằng Hóa	6.5	7.5	8.5	*Đạt*
25	2164	Lê Thị	Hóa	21/10/1984		Trường MN Thị Trấn Bút Sơn	Hoằng Hóa	5.5	6.0	7.5	*Đạt*
26	2165	Lương Thị	Hoan	28/11/1974		Trường MN Hoằng Đồng	Hoằng Hóa	6.0	5.5	7.5	*Đạt*
27	2166	Hoàng Thị	Hoàn	15/12/1985		Trường MN Hoằng Đạo	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
28	2167	Lê Thị	Hoàn	10/10/1973		Trường MN Hoằng Thái	Hoằng Hóa	5.5	6.0	8.0	*Đạt*
29	2168	Nguyễn Thị	Hợi	10/05/1984		Trường MN Hoằng Trường	Hoằng Hóa	7.5	6.5	8.0	*Đạt*
30	2169	Tào Thị	Hồng	08/03/1973		Trường MN Hoằng Cát	Hoằng Hóa	6.5	6.5	8.5	*Đạt*
31	2170	Nguyễn Thị	Huệ	20/12/1985		Trường MN Hoằng Phượng	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
32	2171	Nguyễn Thị	Hùng	17/05/1983		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	6.0	7.5	9.0	*Đạt*
33	2172	Nguyễn Thị	Hương	10/02/1972		Trường MN Hoằng Châu	Hoằng Hóa	5.0	5.5	7.5	*Đạt*
34	2173	Hoàng Thị	Hương	23/02/1973		Trường MN Hoằng Đức	Hoằng Hóa	6.0	8.0	8.0	*Đạt*
35	2174	Nguyễn Thị	Hương	10/03/1984		Trường MN Hoằng Tiến	Hoằng Hóa	6.5	7.0	7.5	*Đạt*
36	2175	Nguyễn Thị	Hương	20/12/1983		Trường MN Hoằng Trung	Hoằng Hóa	6.5	7.5	6.0	*Đạt*
37	2176	Lê Thị	Hương	02/10/1971		Trường MN Hoằng Đạo	Hoằng Hóa	6.0	7.0	6.0	*Đạt*
38	2177	Đỗ Thị	Huyền	09/01/1979		Trường MN Hoằng Châu	Hoằng Hóa	6.0	5.5	7.5	*Đạt*
39	2178	Nguyễn Thị	Huyền	15/10/1974		Trường MN Hoằng Trường	Hoằng Hóa	5.5	5.5	8.5	*Đạt*
40	2179	Lê Thị	Lan	01/03/1973		Trường MN Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.5	*Đạt*
41	2180	Nguyễn Thị	Lan	10/11/1971		Trường MN Hoằng Đạt	Hoằng Hóa	6.0	5.5	8.0	*Đạt*
42	2181	Nguyễn Thị	Lan	02/11/1980		Trường MN Hoằng Đồng	Hoằng Hóa	5.0	5.5	7.0	*Đạt*
43	2182	Nguyễn Thị Mai	Lan	19/03/1983		Trường MN Hoằng Trung	Hoằng Hóa	5.0	6.0	7.5	*Đạt*
44	2183	Lê Thị	Liên	03/12/1967		Trường MN Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	5.0	6.5	8.5	*Đạt*
45	2184	Bùi Thị	Liên	01/01/1970		Trường MN Hoằng Lộc	Hoằng Hóa	6.0	7.0	7.5	*Đạt*
46	2185	Lê Thị	Liên	13/08/1988		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	6.0	7.5	8.0	*Đạt*
47	2186	Hàn Thị	Liêu	10/02/1971		Trường MN Hoằng Phượng	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.0	*Đạt*
48	2187	Hoàng Thị	Lĩnh	04/01/1975		Trường MN Hoằng Châu	Hoằng Hóa	6.0	7.0	7.0	*Đạt*
49	2188	Lê Thị	Loan	09/07/1986		Trường MN Hoằng Trạch	Hoằng Hóa	5.5	6.5	8.5	*Đạt*
50	2189	Lê Thị Tâm	Long	10/03/1971		Trường MN Hoằng Phúc	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
51	2190	Lường Thị	Lụa	07/08/1981		Trường MN Hoằng Phong	Hoằng Hóa	5.0	7.5	7.5	*Đạt*
52	2191	Lê Thị	Lý	10/06/1975		Trường MN Hoằng Châu	Hoằng Hóa	5.5	8.0	7.0	*Đạt*
53	2192	Bùi Thị	Lý	05/02/1971		Trường MN Hoằng Tiến	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.0	*Đạt*
54	2193	Nguyễn Thị	Minh	15/08/1986		Trường MN Hoằng Thái	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.5	*Đạt*
55	2194	Lê Thị	Minh	23/08/1995		Trường MN Hoằng Thái	Hoằng Hóa	6.0	6.5	9.0	*Đạt*
56	2195	Tào Thị	Ngân	19/05/1972		Trường MN Hoằng Hợp	Hoằng Hóa	6.0	6.5	7.0	*Đạt*
57	2196	Lê Thị	Nghĩa	06/06/1974		Trường MN Hoằng Thắng	Hoằng Hóa	5.0	7.0	7.5	*Đạt*
58	2197	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/11/1979		Trường MN Hoằng Đồng	Hoằng Hóa	5.5	7.5	8.5	*Đạt*
59	2198	Trần Thị	Nguyệt	10/06/1969		Trường MN Hoằng Sơn	Hoằng Hóa	5.0	7.0	7.5	*Đạt*
60	2199	Trương Thị	Nhài	27/12/1969		Trường MN Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	5.5	7.0	8.0	*Đạt*
61	2200	Nguyễn Thị	Nhung	20/05/1982		Trường MN Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.5	*Đạt*
62	2201	Bùi Thị	Niên	22/03/1974		Trường MN Hoằng Châu	Hoằng Hóa	6.0	6.5	7.5	*Đạt*
63	2202	Phạm Thị	Nụ	10/10/1971		Trường MN Hoằng Thành	Hoằng Hóa	5.0	6.5	8.5	*Đạt*
64	2203	Lê Thị	Oanh	15/06/1971		Trường MN Hoằng Minh	Hoằng Hóa	5.5	7.0	8.0	*Đạt*
65	2204	Nguyễn Thị	Oanh	03/10/1974		Trường MN Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	6.5	8.0	8.0	*Đạt*
66	2205	Nguyễn Thị P	Phúc	22/06/1983		Trường MN Hoằng Phượng	Hoằng Hóa	6.0	7.0	9.0	*Đạt*
67	2206	Nguyễn Thị	Phương	10/06/1982		Trường MN Hoằng Trinh	Hoằng Hóa	6.0	7.0	7.5	*Đạt*
68	2207	Nguyễn Thị	Phượng	19/12/1973		Trường MN Hoằng Thịnh	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
69	2208	Lê Thị	Quế	25/05/1975		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	6.0	5.5	8.5	*Đạt*
70	2209	Đỗ Thị	Quyên	02/04/1982		Trường MN Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa	5.5	7.0	8.0	*Đạt*
71	2210	Tô Thị	Quyên	04/11/1974		Trường MN Hoằng Phượng	Hoằng Hóa	5.5	6.0	8.0	*Đạt*
72	2211	Trịnh Thị	Quỳnh	04/08/1983		Trường MN Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	5.5	7.0	8.5	*Đạt*
73	2212	Nguyễn Thị	Sâm	20/01/1983		Trường MN Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	5.5	8.0	9.0	*Đạt*
74	2213	Đỗ Thị	Sự	20/10/1973		Trường MN Hoằng Phúc	Hoằng Hóa	5.5	7.5	8.0	*Đạt*
75	2214	Ngô Thị	Tân	05/09/1983		Trường MN Hoằng Thắng	Hoằng Hóa	5.5	6.0	8.5	*Đạt*
76	2215	Chu Thị	Thanh	03/10/1975		Trường MN Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
77	2216	Lê Thị	Thảo	05/08/1983		Trường MN Hoằng Đồng	Hoằng Hóa	5.5	7.0	7.5	*Đạt*
78	2217	Nguyễn Thị	Thảo	10/09/1977		Trường MN Hoằng Hải	Hoằng Hóa	5.0	7.0	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
79	2218	Cao Thị	Thảo	10/07/1974		Trường MN Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.0	*Đạt*
80	2219	Vũ Thị	Thêm	20/10/1983		Trường MN Hoằng Hải	Hoằng Hóa	6.0	7.0	7.5	*Đạt*
81	2220	Lê Thị	Thêu	29/10/1973		Trường MN Hoằng Phú	Hoằng Hóa	5.0	8.0	8.5	*Đạt*
82	2221	Nguyễn Thị	Thiết	05/09/1972		Trường MN Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	5.5	6.0	8.5	*Đạt*
83	2222	Chu Thị	Thường	21/09/1974		Mầm non Hoằng Đông	Hoằng Hóa	5.5	7.5	7.5	*Đạt*
84	2223	Đoàn Thị	Thuỷ	18/12/1981		Trường MN Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	6.5	7.5	8.5	*Đạt*
85	2224	Nguyễn Thị	Thuỷ	05/09/1984		Trường MN Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	6.0	6.5	7.5	*Đạt*
86	2225	Nguyễn Thị	Thuỵ	28/10/1976		Trường MN Hoằng Trinh	Hoằng Hóa	5.0	6.5	7.5	*Đạt*
87	2226	Trần Thị	Thủy	05/07/1973		Trường MN Hoằng Đạt	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.0	*Đạt*
88	2227	Trương Thị	Thủy	02/09/1982		Trường MN Hoằng Tiến	Hoằng Hóa	7.0	7.5	8.0	*Đạt*
89	2228	Lê Thị	Tiến	19/05/1982		Trường MN Hoằng Phong	Hoằng Hóa	6.0	6.5	8.0	*Đạt*
90	2229	Lê Thị	Tình	03/09/1986		Trường MN Hoằng Hải	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.5	*Đạt*
91	2230	Nguyễn Thị	Tình	05/07/1986		Trường MN Hoằng Tân	Hoằng Hóa	6.0	6.5	7.5	*Đạt*
92	2231	Lê Thị	Tình	12/05/1983		Trường MN Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	6.0	5.5	9.0	*Đạt*
93	2232	Lê Thi	Tư	26/06/1972		Trường MN Hoằng Cát	Hoằng Hóa	6.0	7.0	8.5	*Đạt*
94	2233	Lê Thị	Tuất	09/05/1984		Trường MN Hoằng Trạch	Hoằng Hóa	6.0	8.0	8.0	*Đạt*
95	2234	Khương Thị	Tuyết	01/02/1968		Trường MN Hoằng Minh	Hoằng Hóa	6.0	6.5	9.0	*Đạt*
96	2235	Lương Thị	Tuyết	02/10/1985		Trường MN Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
97	2236	Nguyễn Thị	Vân	18/02/1982		Trường MN Hoằng Khê	Hoằng Hóa	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
98	2237	Nguyễn Thị	Xinh	02/01/1981		Trường MN Hoằng Yến	Hoằng Hóa	5.5	7.5	7.5	*Đạt*
99	2238	Nguyễn Thị	Xuyến	19/05/1974		Trường MN Hoằng Lưu	Hoằng Hóa	6.0	6.0	8.0	*Đạt*
100	2239	Lê Thị Hải	Yến	16/08/1982		Trường MN Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	6.5	7.5	8.5	*Đạt*

(*Ấn định danh sách này gồm 100 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Mai